

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2020

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành : **Kiểm toán**
Mã số : **7340302**
Trình độ đào tạo : **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và đào tạo

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Lao động - Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991 Trường Trung học Lao động - Tiền lương hợp nhất với Trường Quản lý Cán bộ Thương binh - Xã hội lấy tên là Trường Cán bộ Lao động - Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA

- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Địa chỉ đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh; Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, TX Sơn Tây, Hà Nội.

- Số điện thoại: 024. 35566176

Fax: 024.35566173

- Website: www.uls.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Đến năm 2020, Nhà trường đã có kinh nghiệm 15 năm đào tạo bậc đại học, quy mô đào tạo đại học của Trường vào khoảng 15.000 sinh viên. Hiện nay, Trường Đại học Lao động - Xã hội có 08 ngành đào tạo bậc đại học là Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tâm lý học; 04 ngành đào tạo bậc thạc sĩ là Quản trị nhân lực, Kế toán, Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh; 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ: Quản trị nhân lực. Trường có 11 khoa: Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chính hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương và Khoa Sau đại học, có 7 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 11 khóa đại học, với trên 20.000 cử nhân đại học và hàng chục ngàn cử nhân cao đẳng đã tốt nghiệp ra trường. Nhìn chung, kết quả đào tạo của trường đạt chất lượng tốt, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp của trường được các tổ chức và các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực làm việc.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Các sách về kế toán, tài chính-ngân hàng, kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động - Xã hội đã thực hiện 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Schopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên

hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Trong 59 năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. Sự cần thiết về việc mở ngành Kiểm toán

Trường Đại học Lao động - Xã hội là trường đại học hàng đầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 05/5/2016, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 565/QĐ-ĐHLĐXH phê duyệt quy hoạch phát triển Trường Đại học Lao động - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Định hướng phát triển trong Quyết định nêu rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội cần phát triển đào tạo đa cấp trình độ, lĩnh vực, ngành nghề, hình thức. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Kiểm toán là cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Đến nay Khoa Kế toán của Trường đã có 23 năm xây dựng và phát triển, khoa đã và đang khẳng định vị thế ngày càng cao về chất lượng đào tạo đại học trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam. Đội ngũ giảng viên và cán bộ của khoa Kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội là khoảng gần 80 người, trong đó trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ chiếm trên 90%, phần lớn có kinh nghiệm trong giảng dạy đại học. Trong nhiều năm qua Khoa Kế toán đã đảm nhận đào tạo bậc đại học, thạc sĩ ngành Kế toán với chất lượng tốt, được thị trường lao động chấp thuận. Khoa có Bộ môn Kiểm toán với nhiều giảng viên có trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ đủ sức đảm nhận việc đào tạo ngành Kiểm toán ở trình độ đại học.

Tại Việt Nam nghề Kiểm toán mới chỉ được nhắc đến từ đầu thập niên 1990, nhưng cho đến nay nghề Kiểm toán được coi là một trong những nghề "nóng" nhất ở Việt Nam với cơ hội việc làm rất lớn. Theo thông tin của Bộ Tài chính, cả nước hiện nay có khoảng trên 5000 kiểm toán viên được cấp chứng chỉ, trong đó có khoảng trên 3000 người được cấp giấy chứng nhận hành nghề Kiểm toán; tuy nhiên lực lượng này có quá mỏng chưa đủ để kiểm toán hàng vạn doanh nghiệp hiện nay. Để giải quyết bài toán nhân lực ngành Kiểm toán, Bộ Tài chính đã đề ra mục tiêu 10 năm tới phải tăng trưởng số lượng công ty Kiểm toán lên khoảng 500 đơn vị với khoảng trên 20.000 kiểm toán viên hành nghề trên cả nước. Bên cạnh đó nhiều công ty kiểm toán nước ngoài đang quan tâm tới thị trường Việt Nam. Sinh viên các ngành Kế toán và Kiểm toán sau khi tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm đúng chuyên ngành đào tạo là khá cao và nhanh chóng.

Để phát triển ngành Kiểm toán ở Việt Nam, Quốc hội đã ban hành một số luật như: Luật Kiểm toán độc lập, số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011; Luật Kiểm toán nhà nước, số 81/2015/QH13 ngày 24/06/2015 và tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Kế toán, Nghị định về Kiểm toán nội bộ, ... với mục tiêu nhằm góp phần công khai, minh bạch thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị được kiểm toán và doanh nghiệp, tổ chức khác; làm lành mạnh môi trường đầu tư; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng; phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế, tài chính của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương với các nước để thu hút và phát triển các chính nhánh kiểm toán, các doanh nghiệp liên doanh kiểm toán mang tính toàn cầu hóa cho ngành Kiểm toán tại Việt Nam.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Kiểm toán trong giai đoạn hiện nay là cần thiết nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực kiểm toán cho các công ty kiểm toán, các cơ quan kiểm toán nhà nước, các tập đoàn, các tổng công ty đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO KIỂM TOÁN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

1. Năng lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.1.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của ngành Kiểm toán.

- Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có hơn 700 cán bộ, giảng viên; trong đó có trên 70% giảng viên có trình độ sau đại học và đang học sau đại học. Cụ thể, Trường có 01 Giáo sư, 04 phó giáo sư; gần 100 tiến sĩ; gần 100 người đang theo học nghiên cứu sinh; khoảng 450 người có trình độ thạc sĩ; số còn lại đang theo học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Đối với ngành Kiểm toán, Trường đã chuẩn bị đầy đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để thực hiện giảng dạy. Khoa Kế toán của Trường hiện có trên 60 giảng viên cơ hữu, trong đó có trên 90% có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên cơ hữu này là những người có kinh nghiệm giảng dạy và có chuyên ngành đào tạo phù hợp.

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở, Nhà trường đã bố trí 14 giảng viên có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tham gia giảng dạy đủ 100% các học phần thuộc khối chuyên ngành của ngành Kiểm toán, danh sách cụ thể tại Bảng 1.

Bảng 1. Danh sách giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của ngành Kiểm toán

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Đào Mạnh Huy , 1979, Trưởng Bộ môn thuộc Khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
2	Vũ Thị Kim Dương , 1975, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Kinh tế (Kế toán, kiểm toán và phân tích)	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
3	Đỗ Thị Lan Anh , 1983, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế	2008, Trường ĐH Lao động - Xã hội
4	Đoàn Tất Thành , 1983, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kế toán	2010, Trường ĐH Lao động - Xã hội
5	Nguyễn Thị Nga , 1982, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kế toán (Kế toán, kiểm toán và phân tích)	2007, Trường ĐH Lao động - Xã hội
6	Trần Thị Hương , 1978, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kế toán	2007, Trường ĐH Lao động - Xã hội
7	Tạ Thị Thuý Hằng , 1982, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kế toán (Kế toán, kiểm toán và phân tích)	2004, Trường ĐH Lao động - Xã hội
8	Nguyễn Thị Thanh , 1991, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế (Kế toán)	2019, Trường ĐH Lao động - Xã hội

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
9	Tô Thị Thu Trang , 1981, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kế toán	2007, Trường ĐH Lao động - Xã hội
10	Ngô Thị Thu Giang , 1975, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Kế toán, kiểm toán và phân tích	2011, Trường ĐH Lao động - Xã hội
11	Trương Đức Định , 1973, Phó trưởng khoa Kế toán	Tiến sĩ, Philippines, 2016	Quản trị kinh doanh	1999, Trường ĐH Lao động - Xã hội
12	Ninh Thị Thúy Ngân , 1979, Phó trưởng Bộ môn Kiểm toán thuộc khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
13	Lê Thị Hương Trâm , 1986, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kế toán	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
14	Mai Thị Hà , 1981, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế (Kế toán tài vụ và phân tích HĐKT)	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội

1.1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có đầy đủ đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo các môn chuyên ngành của ngành Kiểm toán, cụ thể như sau:

Bảng 2. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

TT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học từ 50m ² -100m ²	55	5.510	Điều hòa	6	Các học phần lý thuyết thuần túy
				Amply + loa +micro	60	
				Máy tính	51	
				Máy chiếu	40	
				Màn chiếu	40	
				Ti vi	11	
				Bảng	60	
				Bàn ghế giáo viên	60	
				Bàn ghế học sinh	2291	
				Quạt trần	222	
				Quạt treo tường	81	
				đồng hồ	60	
2	Phòng học từ 100m ² -200m ²	22	4.620	Điều hòa	2	Các học phần hỗn hợp lý thuyết và thực hành
				Amply + loa +micro	21	
				Máy tính	21	
				Máy chiếu	20	
				Màn chiếu	20	
				Ti vi	1	
				Bảng	21	
				Bàn ghế giáo viên	21	
				Bàn ghế học sinh	1040	
				Quạt trần	153	
				Quạt treo tường	21	
				đồng hồ	21	
3	Hội trường E701	1	342	Điều hòa	5	Các hoạt động sinh hoạt chung như chỉnh huấn đầu khóa, đầu năm học...

Bảng 3. Thống kê trang thiết bị của phòng máy vi tính phục vụ giảng dạy, học tập của trường

TT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng máy tính E202.T2	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
2	Phòng máy tính E302.T3	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
3	Phòng máy tính E403	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	44	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
đồng hồ	1				
4	Phòng máy tính E404A	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	

TT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	56	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
5	Phòng máy tính E404B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	39	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
6	Phòng máy tính E501	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	54	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
đồng hồ	1				
7	Phòng máy tính E502	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	47	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	

TT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
8	Phòng máy tính E503A	90	đồng hồ	1	
			Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	45	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
9	Phòng máy tính E503B	90	đồng hồ	1	
			Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	49	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
đồng hồ	1				

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ ngành Kiểm toán gồm các giáo trình, bài giảng về Kiểm toán, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học,... Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

**Bảng 4. Danh mục giáo trình các môn chuyên ngành
của ngành Kiểm toán**

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Kiểm toán	Phan Trung Kiên	Hà Nội	2018	Kiểm toán căn bản
2	Kiểm soát nội bộ	Đào Mạnh Huy	Trường Đại học Lao động – Xã hội	2018	Kiểm soát nội bộ
3	Kiểm toán báo cáo tài chính	Nguyễn Việt Lợi	Tài Chính	2008	Kiểm toán báo cáo tài chính 1
4	Kiểm toán báo cáo tài chính	Nguyễn Việt Lợi	Tài Chính	2008	Kiểm toán báo cáo tài chính 2
5	Hệ Thống Chuẩn Mục Kiểm Toán Việt Nam Mới Nhất 2013	Bộ tài chính	Lao động	2013	Chuẩn mục kiểm toán
6	Kiểm toán nội bộ	Đỗ Thị Thuý Phương, Nguyễn Thị Kim Anh	Đại học Thái Nguyên	2016	Kiểm toán nội bộ
7	Chương trình kiểm toán mẫu áp dụng cho Kiểm toán Báo cáo tài chính (bản cập nhật lần 3)	Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam		2018	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính
8	Kiểm toán hoạt động	Nguyễn Quang Quỳnh	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	2009	Kiểm toán hoạt động
9	Hệ thống thông tin kế toán (tập 1)	Bùi Thị Ngọc và Trần Thị Dự	Trường Đại học Lao động – Xã hội	2020	Hệ thống thông tin kế toán
10	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1
11	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2
12	Kế toán quản trị		Tài chính	2010	Kế toán quản trị
	Kế toán quản trị	Nghiêm Văn Lợi	Hà Nội	2018	Kế toán quản trị

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Bài tập Kế toán quản trị	Lê Thị Tú Oanh	Hà Nội	2018	Kế toán quản trị
13	Kế toán quốc tế	Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2010	Kế toán quốc tế
14	Kế toán tài chính	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011	Kế toán tài chính 1
15	Kế toán tài chính	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011	Kế toán tài chính 2
16	Kế toán thuế	Lê Thị Tú Oanh	Hà Nội	2019	Kế toán thuế
17	Câu hỏi và bài tập Kế toán thuế	Lê Thị Tú Oanh	Hà Nội	2019	Kế toán thuế
18	Kiểm toán	Phan Trung Kiên	Tài chính	2008	Kiểm toán căn bản
19	Kiểm toán	Phan Trung Kiên	Hà Nội	2018	Kiểm toán căn bản
20	Câu hỏi và Bài tập Kiểm toán	Đào Mạnh Huy	Hà Nội	2018	Kiểm toán căn bản
21	Phân tích báo cáo tài chính	Vũ Thị Thanh Thủy	Trường Đại học Lao động – Xã hội	2019	Phân tích báo cáo tài chính
22	Tổ chức kế toán	Nghiêm Văn Lợi	Trường Đại học Lao động – Xã hội	2017	Tổ chức kế toán
23	English for Internal Auditors	Amanda C. Murphy with Catherine Bell		2006	Tiếng Anh chuyên ngành
24	26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ Tài chính		2010	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa
25	Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính		2015	Kế toán tập đoàn

Bảng 5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành Kiểm toán

TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1.	Con số và sự kiện	TC Thống kê Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
2.	Tạp chí công thương	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành

TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
3.	Diễn đàn doanh nghiệp	Phòng TM&CNVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
4.	Doanh nghiệp và thương mại	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
5.	Kế toán và kiểm toán	Hội Kế toán và Kiểm toán VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
6.	Khoa học thương mại	ĐH Thương mại	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
7.	Báo kiểm toán	BHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
8.	Kiểm toán cuối tháng	Kiểm toán NN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
9.	Kinh doanh và pháp luật	Hội Marketing VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
10.	Kinh doanh và pháp luật cuối tuần	Hội Marketing VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
11.	Kinh tế châu á thái bình dương	Viện NC Kinh tế Châu á	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
12.	Kinh tế và dự báo	Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
13.	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế QĐ	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
14.	Kinh tế việt nam	Hội KH Kinh tế VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
15.	Kinh tế VN và thế giới	Viện KT Chính trị và TG	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
16.	Lao động và xã hội	Bộ LĐTBXH	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
17.	Nghiên cứu ấn độ và Châu á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
18.	Nghiên cứu châu âu	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
19.	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
20.	Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
21.	Nghiên cứu Đông Nam á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
22.	Nghiên cứu kinh tế	Viện KH XHVN	2020	Các môn chuyên ngành
23.	Nghiên cứu tài chính kế toán	Học viện Tài chính	2020	Các môn chuyên ngành

TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
24.	Những vấn đề kinh tế thế giới	Viện KT và CT thế giới	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
25.	Các vấn đề quốc tế	Học viện Ngoại giao	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
26.	Niên giám kinh tế	TC Thống kê	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
27.	Phát triển và hội nhập	Trường ĐH KT-TC TP HCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
28.	Quản lý nhà nước	HV CT-HC QG	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
29.	Thuế nhà nước	Bộ Tài chính	2020	Kế toán thuế
30.	Journal of economic development	ĐH KT TPHCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
31.	Việt nam Economic News	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
32.	Vietnam investment review	Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
33.	Việt nam news	Thông tấn xã VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
34.	Việt nam Taxation		2020	Kế toán thuế
35.	Việt nam Studies	ĐH California	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
36.	Vietnam Business Forum -Series B (Song ngữ Việt - Anh)	Phòng TM và CN VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
37.	Vietnam Business Forum -Series E	Phòng TM và CN VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
38.	Việt nam Economic review	Viện KT và CT thế giới	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
39.	Việt nam economic time	Thời báo KTVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
40.	Việt nam Social economic development	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
41.	Việt Nam Social Sciences	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
42.	Kinh tế và quản lý	Học viện CTQG HCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
43.	Nghiên cứu kinh tế và Kinh Doanh Châu á	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
44.	Thị trường tài chính	Hiệp hội Ngân	2020	Các môn chuyên

TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	tiền tệ	hàng VN		ngành
45.	Thương gia và thị trường	Hiệp hội Thương mại điện tử VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành

1.1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Từ năm 2015 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện nghiên cứu 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Schopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Hiện nay trường đang thực hiện 01 đề tài NCKH cấp nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc chuẩn bị nghiệm thu.

Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Bảng 6. Kết quả nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015-2019 của Trường Đại học Lao động - Xã hội

Số TT	Nội dung	Số lượng		Số lượng
		Tổng	Khoa KT	
1.	Đề tài	259	35	
	Đề tài cấp Nhà nước	01	0	Đã bảo vệ cấp cơ sở
	Đề tài cấp Bộ	25	0	
	Đề tài cấp Trường	233	35	
2.	Giáo trình, tài liệu	121	21	
3.	Bài đăng tạp chí	861	147	
	Bài đăng tạp chí trong nước	799	93	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (tổng)	62	37	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI)	23	17	

Số TT	Nội dung	Số lượng		Số lượng
		Tổng	Khoa KT	
4.	Bài đăng kỷ yếu hội thảo	999	144	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước	861	112	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế	138	32	

Công tác NCKH của Khoa Kế toán cũng đã đạt được những kết quả rất tốt. Trong giai đoạn 2015-2019, đội ngũ giảng viên của khoa đã thực hiện 35 đề tài cấp Trường; biên soạn được 21 giáo trình, tài liệu; Viết 93 bài đăng trên các tạp chí trong nước, 37 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 17 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI; Khoa cũng đã có 112 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước và 32 bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế.

Ngoài việc chủ trì thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng hợp tác với một số bộ ngành trong nước và các tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học như hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách giảm nghèo cho lao động ngành thủy sản; hợp tác với UNICEF thực hiện các nghiên cứu về nghèo đói, HIV, lao động trẻ em...; hợp tác với đại học Regina của Canada, Yonsei của Hàn Quốc để thực hiện các nghiên cứu về Công tác xã hội, người Việt nam đi lao động ở nước ngoài... Trong những năm gần đây, Nhà trường đã phối hợp với một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Lai Châu để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và hội thảo khoa học cấp tỉnh/thành phố. Nhiều giảng viên của Trường đã và đang hợp tác với nhiều viện nghiên cứu, trường đại học ở khu vực miền bắc để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, nhiều giảng viên của trường, với tư cách cá nhân, đã và đang tham gia tư vấn cho các doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến tổ chức lao động, định mức lao động, xây dựng quy chế trả lương, an toàn - vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, ...

Về hoạt động hợp tác quốc tế: Trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin, ... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc

sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Các dự án về chuyên giao công nghệ điều trị nghiện chất phòng, chống HIV do Đại học California, Los Angeles (UCLA) tài trợ từ nguồn kinh phí của Cục quản lý dịch vụ điều trị nghiện chất và sức khỏe tâm thần (SAMHSA) và dự án Thúc đẩy hòa nhập của người khuyết tật do Tổ chức Caritas tài trợ. Các dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về lĩnh vực hòa nhập cho người khuyết tật, điều trị nghiện ma túy, mở rộng mạng lưới và mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các cơ sở cai nghiện trong nước và các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước trong lĩnh vực điều trị nghiện ma túy.

2. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Kiểm toán

2.1. Thông tin chung.

Tên chương trình : Kiểm toán

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kiểm toán

Mã số : 7340302

Loại hình đào tạo : Chính qui

Thời gian đào tạo : 4 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Qui trình tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Quy mô tuyển sinh dự kiến:

- Năm 2020: 100 sinh viên

- Năm 2021: 150 sinh viên

- Năm 2020: 200 sinh viên

2.2. Chương trình đào tạo.

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
Các học phần bắt buộc				
THML0723H	Triết học Mác-Lênin	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/30/75	
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
LSUD0722H	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	30/0/60	
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	45/0/90	
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.		
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện		

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nay.		
TCC11122L	Toán cao cấp 1	Các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.	30/0/60	
TCC21122L	Toán cao cấp 2	Các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co dãn; Hệ số thay thế.	30/0/60	
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.	45/0/90	
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.	30/0/60	
	Giáo dục thể chất	Chương trình gồm 03 học phần với 01 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn thực hiện theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày	0/90/45	Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học		ngày 14/7/2017
	Giáo dục quốc phòng và An ninh	Chương trình gồm 04 học phần thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học	90/75/217	Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)				
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.	30/0/60	
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học	30/0/60	
LOGI0722L	Logic học	Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.	30/0/60	
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	Tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí	30/0/60	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.		
XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	Những tri thức khoa học về bản chất và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học	30/0/60	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành				
ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.	45/0/90	
ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...	45/0/90	
NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.	30/0/60	
LKTE1022H	Luật kinh tế	Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải	30/0/60	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã		
MARC0522H	Marketing căn bản	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.	30/0/60	
2.2. Kiến thức cơ sở ngành				
<i>Các học phần bắt buộc</i>				
TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại		
NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.	30/0/60	
NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.	30/0/60	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.	45/0/90	
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Những vấn đề chung của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán vật tư; Kế toán tài sản cố định; Kế toán thanh toán; Kế toán tài sản bằng tiền	45/0/90	
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)				
KTLU1122H	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.	30/0/60	
VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.	30/0/60	
KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp	30/0/60	
QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Học phần giới thiệu một cách khái quát về rủi ro và một số khái niệm có liên quan; quy trình quản trị rủi ro và các bước cần làm cho quy trình đó; các biện pháp để nhận	30/0/60	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		dạng và đo lường rủi ro; các phương pháp phân tích tổn thất tiềm năng về tài sản, con người và trách nhiệm dân sự; các biện pháp để đối phó với rủi ro bao gồm kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro.		
2.3. Kiến thức ngành				
<i>Các học phần bắt buộc</i>				
AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	Trang bị các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán như bản chất, nội dung và phạm vi kiểm toán, chiến lược, kế hoạch và chương trình kiểm toán, đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ, phân tích và lập báo cáo kiểm toán và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong Tiếng Anh.	45/0/90	
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của kế toán tài chính: vai trò của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán, quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.	45/0/90	
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán phân phối lợi nhuận; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình	45/0/90	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		bày báo cáo tài chính.		
KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề chung của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán vật tư; Kế toán tài sản cố định; Kế toán thanh toán; Kế toán tài sản bằng tiền	45/0/90	
KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động trong đơn vị HCSN; Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán; Kế toán ngành lao động thương binh xã hội; Kế toán bảo hiểm xã hội	45/0/90	
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể quy trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.	45/0/90	
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	Tổng quan về kiểm soát nội bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp	30/0/60	
KTB10123L	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm toán báo cáo tài chính, Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, Kiểm toán tiền, Kiểm toán nợ phải thu của khách hàng, Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán.	45/0/90	
KTB20123L	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí; Hoàn thành kiểm toán; Các dịch vụ	45/0/90	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		của doanh nghiệp kiểm toán.		
CMKT0122L	Chuẩn mực kiểm toán	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chuẩn kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế, các nhóm chuẩn mực kiểm toán chung, nhóm chuẩn mực khi thực hiện kiểm toán, nhóm chuẩn mực kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo, các chuẩn mực kiểm toán khác liên quan đến các thông tin trong tài liệu có báo cáo tài chính đã được kiểm toán	30/0/60	
KTNB0123L	Kiểm toán nội bộ	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Kiểm toán nội bộ, quy trình thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ đối với các hoạt động chủ yếu trong các doanh nghiệp và tổ chức như hoạt động quản lý ngân quỹ và hoạt động thanh toán, mua hàng, hoạt động quản lý hàng tồn kho, hoạt động sản xuất, hoạt động marketing và bán hàng.	45/0/90	
KTQT0123H	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định; Hình thái chi phí	45/0/90	
KTMA0123H	Kế toán máy	Tổng quan về phần mềm kế toán; Khai báo các tham số và số dư đầu kỳ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán hàng tồn kho, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Kế toán tiền lương, tài sản cố định, giá thành; Kế toán tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh	45/0/90	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
KTTE0123H	Kế toán thuế	Tổng quan về thuế và kế toán thuế; Các loại thuế hiện hành ở Việt Nam, bao gồm thuế Xuất nhập khẩu, Tiêu thụ đặc biệt, Giá trị gia tăng, Thu nhập doanh nghiệp và Thu nhập cá nhân	45/0/90	
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời	45/0/90	
THBC0123L	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Cách thức vận dụng các phương pháp và thủ tục thực hiện kiểm toán các khoản mục và chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như khoản mục tiền; nợ phải thu; hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; tài sản cố định và chi phí khấu hao; nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; thu nhập và chi phí....	45/0/90	
Các học phần tự chọn				
<i>Chọn 1 trong 3 HP</i>				
KTNV0123L	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nội dung chủ yếu của học phần là kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, các kiến thức cơ bản về báo cáo tài chính như khái niệm, mục đích và phương pháp lập các báo cáo tài chính. Học phần đề cập đến hệ thống pháp luật kế toán áp dụng trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt học phần so sánh giữa chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (thông tư 133/2016) và doanh nghiệp lớn (thông tư 200/2014).	45/0/90	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
TCKT0123H	Tổ chức kế toán	Khái quát chung về tổ chức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán; Lựa chọn hình thức sổ kế toán; Tổ chức kế toán TSCĐ; Tổ chức kế toán hàng tồn kho; Tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động; Tổ chức kế toán quá trình sản xuất; Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt; Tổ chức các hoạt động kế toán khác trong doanh nghiệp	45/0/90	
KQTE0123H	Kế toán quốc tế	Học phần này trang bị cho sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về một chu trình kế toán hoàn thiện trong doanh nghiệp theo kế toán quốc tế, từ chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán đến báo cáo kế toán; Học phần tập trung chủ yếu vào BCTC, các phần hành kế toán lương, hàng tồn kho, tài sản dài hạn, doanh thu; tiền, phải thu, phải trả...	45/0/90	
<i>Chọn 1 trong 3 HP</i>				
KTTĐ0123L	Kế toán tập đoàn	Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về tập đoàn kinh tế như lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm và các loại tập đoàn kinh tế; Kiến thức cơ bản về hợp nhất kinh doanh như khái niệm, lý do hợp nhất, các hình thức hợp nhất, phương pháp kế toán hợp nhất kinh doanh, quy trình hợp nhất kinh doanh theo chuẩn mực Việt Nam; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất gồm khái niệm, nội dung, ý nghĩa, nguyên tắc và trình tự lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành; Kiến thức về báo cáo bộ phận và thông tin về các bên liên quan đến tập đoàn	45/0/90	
CMKT0123L	Chuẩn mực kế	Nội dung chính của học phần đề cập	45/0/90	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
	toán	đến các chuẩn mực liên quan đến báo cáo tài chính, các chuẩn mực liên quan đến các tài sản, các chuẩn mực về doanh thu chi phí. Với từng chuẩn mực, học phần này trình bày rõ các vấn đề cụ thể như khái niệm, tiêu chuẩn nhận biết, cách thức đo lường, ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính, so sánh giữa chuẩn mực Việt nam và quốc tế		
TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Xử lý giao dịch và các công cụ mô tả hệ thống; Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ; Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh chủ yếu; Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản trị	45/0/90	
2.4. Thực tập, làm khóa luận				
TTKT0224T	Thực tập cuối khóa	Học phần này giúp sinh viên tiếp cận thực tế các hoạt động kiểm toán thực tế tại một đơn vị cụ thể. Học phần này cũng giúp sinh viên thực hiện công việc chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn thực tế của đơn vị và của giảng viên trực tiếp phụ trách. Sau thời gian thực tập, sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn viết một báo cáo thực tập theo yêu cầu và nội dung của học phần	0/180/0	
KLKT0226T	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp theo nội dung và thời gian của Trường	0/270/0	
2.5. Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
KSQT0123H.	Hệ thống kiểm soát quản trị	Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá...	45/0/90	

TT/Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
KTHĐ0123L	Kiểm toán hoạt động	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình kiểm toán hoạt động và ứng dụng vào kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức. Học phần đề cập đến nội dung kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức nhằm đánh giá ba mục tiêu chính: tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực trên cơ sở đó định hướng đưa ra các đề xuất cải tiến, hoàn thiện các hoạt động	45/0/90	

2.3. Kế hoạch đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	30								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	29								
1	Triết học Mác - Lênin	3		3						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2							
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2							
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2					
6	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
7	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
8	Tin học cơ bản 1	2	2							
9	Tin học cơ bản 2	2		2						
10	Toán cao cấp 1	2	2							
11	Toán cao cấp 2	2		2						
12	Lý thuyết XS và thống kê toán	3			3					
13	Pháp luật đại cương	2	2							
14	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	2	1						
15	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>	8	4	4						
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/4 HP)</i>	2								
15	Soạn thảo văn bản	2			2					
16	Phương pháp luận NCKH	2								
17	Logic học	2								
18	Tâm lý học đại cương	2								

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
II	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP	90								
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12								
19	Kinh tế vi mô	3	3							
20	Kinh tế vĩ mô	3		3						
21	Nguyên lý thống kê	2			2					
22	Luật kinh tế	2		2						
23	Marketing căn bản	2			2					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	16								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	12								
24	Tài chính - Tiền tệ	2			2					
25	Nguyên lý kế toán 1	2		2						
26	Nguyên lý kế toán 2	2			2					
27	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3					3			
28	Quản trị tài chính đơn vị HCSN	3					3			
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)</i>	4								
29	Kinh tế lượng	2								
30	Văn hóa doanh nghiệp	2				4				
31	Kỹ năng giao tiếp	2								
32	Quản trị rủi ro	2								
II.3	Kiến thức ngành	52								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	46								
33	Tiếng Anh CN Kiểm toán	3				3				
34	Kế toán tài chính 1	3				3				
35	Kế toán tài chính 2	3					3			
36	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3					3			
37	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3						3		
38	Kiểm toán căn bản	3				3				
39	Kiểm soát nội bộ	2				2				
40	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3					3			
41	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3						3		
42	Chuẩn mực kiểm toán	2					2			
43	Kiểm toán nội bộ	3						3		
44	Kế toán quản trị	3						3		
45	Kế toán máy	3						3		
46	Kế toán thuế	3							3	
47	Phân tích báo cáo tài chính	3							3	
48	Thực hành kiểm toán BC tài chính	3							3	
	<i>Học phần lựa chọn</i>	6								

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	<i>Chọn 1 trong 3</i>									
49	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3							3	
50	Tổ chức kế toán	3								
51	Kế toán quốc tế	3								
	<i>Chọn 1 trong 3</i>									
52	Kế toán tập đoàn	3							3	
53	Chuẩn mực kế toán	3								
54	Hệ thống thông tin kế toán	3								
II.4	Thực tập, làm khóa luận	10								
55	Thực tập cuối khóa	4								4
56	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
II.5	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6								
57	Hệ thống kiểm soát quản trị	3								3
58	Kiểm toán hoạt động	3								3
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	121	15	17	15	17	17	15	15	10

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2		
2	LSUD0722H	Lịch sử Đảng CSVN	2		
3	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
4	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
5	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
6	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
7	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		
9		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
10		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	17		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		
2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
3	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		
4	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
5	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3		
6	LKTE1022H	Luật kinh tế	2		
7		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
8	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	2		
		Học phần tự chọn	0		
9		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	15		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	13		
1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	2	TCC11122L, TCC21122L	
4	MARC0522H	Marketing căn bản	2		
5	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	2	MLN20723H	
6	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	2	NLK10122H	
		Học phần tự chọn	2		
7	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		
8	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		
9	LOGI0722L	Logic học	2		
10	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	13		
1	CNXH0722H	Chủ nghĩa XHKH	2		
2	AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	3		
3	KTC10123H	Kê toán tài chính 1	3	NLK10122H	
4	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	3		
5	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	3	TAC20623H	
		Học phần tự chọn	4		
5	KTLU1122H	Kinh tế lượng	2	ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	Chọn 4/8 TC
6	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	2		
7	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2		
8	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	2		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3		
2	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị HCSN	3	TCTT0122H NLK10122H	
3	KTC20123H	Kê toán tài chính 2	3	KTC10123H	
4	KTH10123H	Kê toán Hành chính sự nghiệp 1	3	NLTK1322H	
5	KTB10123L	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3	KTCB0123H KTC10123H	
6	CMKT0122L	Chuẩn mực kiểm toán	2	KTCB0123H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	KTH20123H	Kê toán Hành chính sự nghiệp 2	3	KTH10123H	
2	KTB20123L	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3	KTB10123L	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
3	KTNB0123L	Kiểm toán nội bộ	3	KTCB0123H	
4	KTQT0123H	Kế toán quản trị	3		
5	KTMA0123H	Kế toán máy	3	KTC20123H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	9		
1	KTTE0123H	Kế toán thuế	3	KTC20123H NLK20122H	
2	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	3	TCDN0123H KTC20123H	
3	THBC0123L	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	3	KTB20123L	
		Học phần tự chọn	6		
4	KTNV0123L	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	KTC20123H	Chọn 3/9 TC
5	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	3		
6	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	3		
7	KTTĐ0123L	Kế toán tập đoàn	3	KTC20123H	Chọn 3/9 TC
8	CMKT0123L	Chuẩn mực kế toán	3	NLK20122H	
9	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	3		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TTKT0224T	Thực tập cuối khóa	4	THBC0123L	
2	KLKT0226T	Khóa luận tốt nghiệp	6	TTKT0224T	
		Học phần thay thế khóa luận			
3	KSQT0123H.	Hệ thống kiểm soát quản trị	3		
4	KTHĐ0123L	Kiểm toán hoạt động	3	KTCB0123H	
		Tổng cộng	10		

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Kiểm toán, các thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra và các quy định liên quan về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lao động - Xã hội được đăng trên website của trường có địa chỉ là: <http://ulsa.edu.vn>.

2. Căn cứ vào năng lực thực tế của Trường và nhu cầu của thị trường lao động; căn cứ định hướng chỉ đạo của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Trường đại học Lao động - Xã hội kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Kiểm toán trình độ đại học từ năm học 2020 - 2021.

3. Nếu được phê duyệt, Trường đại học Lao động - Xã hội cam kết sẽ tổ chức đào tạo ngành Kiểm toán trình độ đại học theo đúng đề án đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KH &HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng